TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KBANG-TỈNH GIA LAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2023/DS-ST
Ngày: 31-7-2023
V/v: *"Tranh chấp về hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG-TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Hội;
2. Ông Nguyễn Văn Thi.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Sen - Thư ký Toà án nhân dân huyện KBang, tỉnh Gia Lai.

Ngày 31/7/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 17/2023/TLST-DS ngày 21/02/2023 về việc: ***"Tranh chấp về hợp đồng tín dụng"***, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXXST-DS ngày 27/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2023/QĐST- DS ngày 13/7/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Chính sách xã hội.

Địa chỉ: Tòa nhà CC5, bán đảo Linh Đàm, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Thị Thu H - Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Địa chỉ: Số 265 Quang Trung, thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

2. Bị đơn: Bà Vũ Thị T, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn 5, xã Đ, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Bà Đinh Thị Thu H có đơn xin xét xử vắng mặt; bà T vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/02/2023 được bổ sung tại Bản tự khai ngày 21/02/2023, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đinh Thị Thu H trình bày: Vào ngày 18/07/2019, bà Vũ Thị T đã vay vốn tín dụng ưu đãi tại Ngân hàng Chính sách xã hội (*sau đây gọi tắt là Ngân hàng*) thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Kbang, tỉnh Gia Lai, với số tiền là nợ gốc là 20.000.000 đồng *(hai mươi triệu đồng*), theo Sổ vay vốn có mã khách hàng 4200021546; mục đích sử dụng tiền vay: Đào giếng và xây nhà vệ sinh; thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 18/7/2019, lãi suất cho vay là 9%/năm, lãi suất quá hạn được tính bằng 130% lãi suất trong hạn, hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay tín chấp.

Theo như đã thoả thuận hàng tháng bà T phải trả lãi cho Ngân hàng và kỳ hạn trả nợ gốc là 6 tháng/lần. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở bà T trả nợ nhưng bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc theo kỳ hạn đã cam kết và đã không thực hiện trả lãi từ ngày 19/01/2023 cho đến nay. Bà T không hợp tác với

Hội phụ nữ xã Đ trong công tác kiểm tra phương án sử dụng vốn vay, hiện còn có nhiều khoản nợ cá nhân khởi kiện đến Toà án để thu hồi nợ với số tiền lớn nên ngân hàng thấy có nguy cơ thất thoát nguồn vốn của Nhà nước. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Vũ Thị T phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 20.152.877 đồng (*hai mươi triệu một trăm năm mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi bảy đồng)*, bao gồm: 20.000.000 đồng nợ gốc, 152.877 đồng nợ lãi trong hạn (*tính đến ngày 20/02/2023*).

Tại bảng kê tính lãi bổ sung, Ngân hàng yêu cầu bà T phải trả tiếp tục trả số tiền nợ lãi phát sinh từ ngày 21/02/2023 đến ngày 31/7/2023 (*ngày xét xử sơ thẩm vụ án*) là 789.041 đồng. Như vậy, tổng cộng số tiền Ngân hàng yêu cầu bị đơn bà Vũ Thị T phải trả cho Ngân hàng là 20.941.918 đồng (*hai mươi triệu, chín trăm bốn mươi mốt nghìn, chín trăm mười tám đồng)*, bao gồm: 20.000.000 đồng nợ gốc, 941.918 đồng nợ lãi trong hạn; bà T phải trả tiếp số tiền nợ lãi phát sinh từ ngày 01/8/2023 cho đến khi bà T trả xong khoản tiền nợ gốc.

Các tài liệu, chứng cứ sao y bản chính được nguyên đơn giao nộp, gồm:

1/ 01 Quyết định V/v ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019;

2/ 01 Sổ vay vốn họ tên người vay Vũ Thị T;

3/ 01 Sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay- thu nợ- dự nợ;

4/ 01 Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 07/7/2019;

5/ 01 Giấy đề nghị của bà Vũ Thị T ngày 10/3/2022;

Đối với bị đơn bà Vũ Thị T: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Kbang đã triệu tập bà T đến Tòa án làm việc để nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án, làm bản tự khai trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải do Tòa án tổ chức. Mặc dù bà T đã được tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ để bà T thực hiện quyền và nghĩa vụ nhưng bà T lại cố tình trốn tránh, không chấp hành, vắng mặt tại những lần Toà án triệu tập nên không trình bày được quan điểm về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Ngân hàng Chính sách xã hội khởi kiện yêu cầu người vay là bị đơn bà Vũ Thị T có địa chỉ tại thôn 5, xã Đ, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai phải trả số tiền còn nợ theo Sổ vay vốn có mã khách hàng 4200021546 đã ký kết. Do đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì đây là vụ án *"Tranh chấp về hợp đồng tín dụng"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai thông báo, tống đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng để triệu tập bà T đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn nhưng bà T đều cố tình vắng mặt không có lý do và cũng không ủy quyền cho ai tham gia tố tụng. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng là bà Đinh Thị Thu H vắng mặt nhưng bà H có đơn xin xét xử vắng

mặt. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét Sổ vay vốn có mã khách hàng 4200021546 được ký kết giữa Ngân hàng với bà T thấy rằng hợp đồng được lập thành văn bản có chữ ký của bà Vũ Thị T chủ thể tham gia hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, mục đích, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp theo quy định tại các Điều 117, Điều 118, và Điều 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 07/7/2019 và Sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay- thu nợ- dự nợ của Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đối với bà Vũ Thị T đã thể hiện rõ vào ngày 18/7/2019 bà Vũ Thị T đã vay vốn tín dụng ưu đãi tại Ngân hàng Chính sách xã hội thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Kbang, tỉnh Gia Lai, với số tiền là nợ gốc là 20.000.000 đồng; mục đích sử dụng tiền vay: Đào giếng và xây nhà vệ sinh; thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 18/7/2019, lãi suất cho vay là 9%/năm, lãi suất quá hạn được tính bằng 130% lãi suất trong hạn, hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay tín chấp.

Sau khi vay tiền đến nay bà T đã sử dụng vốn vay không hiệu quả đã không trả được tiền nợ gốc theo định kỳ và lãi theo cam kết mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở bà T trả nợ. Bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên buộc Ngân hàng phải khởi kiện yêu cầu bà T thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có cơ sở. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T vắng mặt trong các lần Tòa án triệu tập đến làm việc, không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bà T đã tự chối bỏ quyền tham gia tố tụng của mình, không trình bày quan điểm về nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Vũ Thị T phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 20.941.918 đồng (*hai mươi triệu, chín trăm bốn mươi mốt nghìn, chín trăm mười tám đồng)*, bao gồm: 20.000.000 đồng nợ gốc, 941.918 đồng nợ lãi trong hạn *(tính đến ngày 31/7/2023)* và tiền lãi phát sinh đối với khoản vay theo thỏa thuận là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 20.941.918 đồng x 5% = 1.047.095 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 93; Điều 94; Điều 95; Điều 96; Điều 108; Điều 144, Điều 147; Điều 179; Điều 227; Điều 228; Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Chính sách xã hội, cụ thể như sau:

1. Buộc bị đơn bà Vũ Thị T phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng Chính sách xã hội thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Kbang, tỉnh Gia Lai số tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng là 20.941.918 đồng (*hai mươi triệu, chín trăm bốn mươi mốt nghìn, chín trăm mười tám đồng)*, bao gồm: 20.000.000 đồng nợ gốc, 941.918 đồng nợ lãi trong hạn *(tính đến ngày 31/7/2023).*

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Buộc bị đơn bà Vũ Thị T phải chịu 1.047.095 đồng *(một triệu, không trăm bốn mươi bảy nghìn, không trăm chín mươi lăm đồng)* án phí Dân sự sơ thẩm;

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng Chính sách xã hội thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Kbang, tỉnh Gia Lai số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 503.821 đồng (*năm trăm linh ba nghìn, tám trăm hai mươi mốt đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Toà án số 0003766 ngày 21/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận*:*
-TAND tỉnh Gia Lai;
-VKSND huyện Kbang;
-Chi cục THADS huyện Kbang;
-Các đương sự;
-Lưu HSVA,VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Ngọc